

Bản án số: 78/2024/HS-ST
Ngày 18 tháng 07 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đại Huy**, phó bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thị trấn Tây Đằng

Ông **Lê Văn Hoan**, cán bộ hưu trí xã Phú Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Cần Thuỳ Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 07 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 07 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Đình T**, sinh ngày 29/6/2006, HKTT: Thôn 1, xã V N, huyện Ph Th, thành phố Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Thôn H Tr, xã V H, huyện B V, thành phố Hà Nội, trình độ văn hoá: 12/12, nghề nghiệp: Học sinh, con ông: Trương Văn H, sinh năm 1980, con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1986, vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện giám hộ theo pháp luật cho bị cáo Trương Đình T:

+ Bố đẻ: Trương Văn H, sinh năm 1980.

+ Mẹ đẻ: Trần Thị Đ, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn 1, xã V Ph, huyện Ph Th, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H Tr, xã V H, Huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Anh H, chị Đ có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+ Anh Phạm Ngọc Hòa, sinh ngày 13/02/2006.

Người đại diện giám hộ theo pháp luật cho cháu Hòa: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn Th L, xã T Ph, huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Cháu H, chị B xin vắng mặt).

+ Cháu Bùi Minh Ch, sinh ngày 11/07/2006.

Người đại diện giám hộ theo pháp luật cho cháu Chính: Anh Bùi Đình Th, sinh năm 1981, trú tại: Thôn M Đ, xã V H, huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Cháu Ch, anh Th xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 12/10/2006.

Người đại diện giám hộ theo pháp luật cho cháu T: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Số nhà 54/5, ngõ 167, phường X Kh, thị xã S T, thành phố Hà Nội.

(Cháu T, anh T vắng mặt).

2. Anh Chu Nhật Q, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số: 1/42, ngõ 167, đường Đ B, phường X Kh, thị xã S T, thành phố Hà Nội.

(Anh Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/03/2024, Trương Đình T, sinh ngày 29/6/2006; HKTT: Thôn 1, xã V N, huyện Ph Th, thành phố Hà Nội, chỗ ở hiện tại: Thôn H Tr, xã V H, huyện B V, thành phố Hà Nội và nhóm bạn cùng lớp gồm các cháu: Nguyễn Mạnh C (sinh ngày 12/01/2006; trú tại: Thôn M Ch, xã V H, huyện B V); Nguyễn Tiến Đ (sinh ngày 31/5/2006; trú tại: Thôn T M, xã T L, huyện B V); Phạm Ngọc H (sinh ngày 13/02/2006; trú tại: Thôn Th L, xã T Ph, huyện B V) và Bùi Minh Ch (sinh ngày 11/7/2006; trú tại: Thôn M Đ, xã V H, huyện B V) đến quán bi-a T597 tại thôn 6, xã B Tr, huyện B V để chơi bi-a. T, H và Ch chơi ở bàn bi-a số 7 (bàn thứ 2 bên trái từ ngoài cửa vào); Đ và C chơi ở bàn bi-a số 2 (bàn thứ 2 bên phải từ ngoài cửa vào). Khi bắt đầu vào chơi, cả nhóm để ba lô và điện thoại di động ở trên bàn uống nước cạnh bàn bi-a. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, cháu Ngô Đình D (sinh ngày 06/12/2006; trú tại: xã C L, huyện B V, là bạn học cùng lớp với T) đến quán nhưng chỉ đứng xem, không tham gia chơi. Trong lúc chơi bi-a, T quan sát thấy 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của cháu Ch và cháu H để trên bàn uống nước, xếp chồng lên nhau. Do cần tiền tiêu sài nên T nảy sinh ý định lấy trộm 02 chiếc điện thoại nêu trên để bán lấy tiền. Thực hiện ý

định, T cởi chiếc áo khoác đang mặc ra, để trên bàn uống nước, trùm lên hai chiếc điện thoại của cháu Ch và cháu H để sau đó sẽ cầm áo và lấy 02 chiếc điện thoại luôn. T chơi bi-a đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì nghỉ (lúc này cháu Chính và cháu H vẫn đang chơi bi-a). Thấy cháu Ch và cháu H không để ý, T đi đến bàn uống nước, dùng tay phải cầm vào vị trí áo mà bên dưới có 02 chiếc điện thoại đang để trên bàn. T cầm chiếc áo cùng 02 chiếc điện thoại lên rồi cuộn áo bọc 02 chiếc điện thoại và nhét vào trong ba lô của mình. Sau khi trộm cắp được 02 chiếc điện thoại, T đeo ba lô đi vào nhà vệ sinh của quán bi-a. Tại đây, T lấy 2 chiếc điện thoại ra để tắt thì thấy 02 chiếc điện thoại đã tắt chuông sẵn nên T giấu 02 chiếc điện thoại vào trong vách tường bên phải của nhà vệ sinh (hướng từ ngoài cửa nhìn vào). Sau đó, T đi ra ngoài. Lúc này, cháu Ch và cháu H phát hiện bị mất điện thoại. T đưa ba lô của mình cho các bạn kiểm tra rồi cả nhóm đi học. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T cùng cháu Ch và cháu H quay lại quán bi-a để cho cháu H và Ch xem lại hình ảnh camera tại quán. Trong lúc cháu Ch đang xem camera, T đi vào nhà vệ sinh của quán bi-a, lấy 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp được lúc trước, để vào trong ba lô rồi ra về.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Anh T (sinh ngày 12/10/2006; trú tại: Ngõ 167 X Kh, S T, Hà Nội gọi điện qua ứng dụng messenger (từ tài khoản facebook “A T”) cho T nhưng T bận nên không nhận cuộc gọi. Sau đó, T nhắn tin lại cho T. T hỏi T có điện thoại Iphone 12 Promax bán không (*Do trước đó vài ngày, T có nhắn tin cho T nói có chiếc điện thoại Iphone 12 Promax muốn bán, nhờ T nếu có người muốn mua thì bảo T nhưng thời điểm đó không có ai mua*). Sẵn đang có 02 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax vừa trộm cắp được, T giới thiệu cho T và gửi hình ảnh 02 chiếc điện thoại trên cho T xem. T không nói cho T biết về nguồn gốc của 02 chiếc điện thoại trên là do T trộm cắp mà có, chỉ nói là máy của khách cầm cố. Sau khi xem ảnh, T thỏa thuận mua chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám (chiếc điện thoại của cháu Hòa) với giá là 11.000.000 đồng. T đồng ý. Hai bên hẹn nhau trưa hôm sau (tức ngày 19/3/2024) sẽ gặp nhau trực tiếp để giao dịch. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T mở khóa hai chiếc điện thoại, đăng xuất tài khoản Icloud (do chơi thân với cháu H và cháu Ch nên T biết mật khẩu điện thoại cũng như mật khẩu tài khoản Icloud của cháu H và cháu Ch lưu ở mục “Ghi Chú” trong điện thoại). T tắt nguồn và tháo sim. Sau đó, T giấu 02 chiếc điện thoại ở trên trần nhà vệ sinh tại tầng 2 của gia đình.

Khoảng hơn 12 giờ, ngày 19/03/2024, T mang chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám trộm cắp được của cháu H đi bán; đồng thời mang theo 02 chiếc sim điện thoại của cháu H và cháu Ch để vứt bỏ. Khi đến chỗ hẹn, T thấy T đi cùng với anh Chu Nhật Q (sinh năm 2004; trú tại: Số 1/42/167 đường Đ B, phường X Kh, thị xã S T, thành phố Hà Nội - là người nhờ T mua giúp chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của T). T đưa chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám cho T xem. Do

anh Q chưa chuyển tiền mua điện thoại cho T nên T hẹn T đến buổi tối cùng ngày sẽ chuyển tiền cho T. Chiều cùng ngày, anh Q chuyển tiền cho T nên T nhắn tin messenger hỏi số tài khoản của T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T chuyển khoản số tiền 11.000.000 đồng từ tài khoản MB bank số 6612102006 của T đến tài khoản ngân hàng MBBank số 0374841044 của T.

Về phía cháu Ch và cháu H: Sau khi phát hiện bị mất tài sản, cháu Ch và cháu H cho rằng bạn bè trêu đùa, giấu điện thoại. Tuy nhiên, hôm sau (Tức ngày 19/3/2024), các bạn đều bảo không giấu nên cháu Ch đã làm đơn trình báo Công an xã B Tr. Ngày 20/3/2024, cháu Hòa cũng đã đến Công an xã B Tr trình báo sự việc.

Sáng ngày 20/3/2024, Công an xã B Tr triệu tập Trương Đình T đến làm việc. T đã thừa nhận hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của cháu H và cháu Ch. Đồng thời, T tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu đen (điện thoại trộm cắp của cháu Ch); 01 chiếc điện thoại Iphone X, màu trắng (điện thoại của T) và số tiền 11.000.000 đồng cho cơ quan công an.

Trưa ngày 20/3/2024, T gọi điện qua messenger cho cháu T bảo cháu T mang trả điện thoại vì liên quan đến pháp luật. T nhắn tin qua messenger cho anh Q nói điện thoại mua của T ngày 19/3/2024 là do T trộm cắp mà có. T bảo anh Q mang điện thoại đến trụ sở Công an huyện B V cho bố mẹ T. Thông qua T, anh Q và chị Trần Thị Đ (sinh năm 1986, là mẹ của T) thỏa thuận với nhau về giá chuộc chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu đen là 11.000.000 đồng và tiền công mang đến cơ quan công an là 300.000 đồng. Chị Đ đã chuyển khoản số tiền 11.300.000 đồng cho anh Q. Sau đó, anh Q đã thuê anh Đặng Tiến S, sinh năm 2003; trú tại: Thôn H Tr, xã V H, huyện B V đến nhà mình mang chiếc điện thoại nêu trên đến Công an huyện B V. Anh Sang đã giao chiếc điện thoại cho anh Trương Văn H, sinh năm 1980, là bố của T. Sau đó, anh Hùng đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho cơ quan điều tra.

Ngày 22/3/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B V đã có Yêu cầu định giá số 987/YC- CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B V định giá đối với 02 chiếc điện thoại nêu trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B V đã có Bản kết luận định giá tài sản số 27/HĐGG -TSTTHS ngày 28/03/2024 xác định:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, số imei: 353776392290324, dung lượng 128 Gb, đã qua sử dụng: 9.000.000 đồng;
 - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số imei: 353541323663951, dung lượng 128 Gb, đã qua sử dụng: 9.000.000 đồng;
- Tổng giá trị là 18.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B V đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 913/QĐ-XLVC ngày 15/04/2024 trả cho cháu Bùi Minh Chính chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, số imei: 353776392290324, dung lượng 128 Gb; trả cho cháu Phạm Ngọc Hòa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số imei: 353541323663951, dung lượng 128 Gb.

Về dân sự: Sau khi khận lại tài sản, cháu Chính và cháu Hòa không yêu cầu đề nghị gì về dân sự; đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trương Đình T.

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356742081064005, bên trong lắp sim có số thuê bao 0374.841.044, đã qua sử dụng và số tiền 11.000.000 đồng, Viện kiểm sát nhân dân huyện B V đã có quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B V để bảo quản và chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 61/CT-VKS - BV ngày 24/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trương Đình T về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Đình T phạm tội trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 90; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu phát mại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356742081064005, bên trong lắp sim có số thuê bao 0374.841.044, đã qua sử dụng của bị cáo T

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.000.000 đồng là thu lợi bất chính của bị cáo T.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện giám hộ theo pháp luật và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Đình T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ tang vật và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trưa ngày 18/3/2024, Trương Đình T đã lợi dụng sơ hở của hai bạn thân là cháu Bùi Minh Ch và cháu Phạm Ngọc H trong việc quản lý tài sản nên đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, số imei: 353776392290324, dung lượng 128 Gb. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Huyện B V kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu: Iphone 12 Promax, màu đen, số imei: 353776392290324, dung lượng 128 Gb, trị giá 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) của cháu Chính và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám, số imei: 353541323663951, dung lượng 128 Gb, trị giá 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) của cháu Hòa. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử đã có đầy đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Trương Đình T đã phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm đã thực hiện nhằm mục đích để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải; Bị cáo và gia đình đã trả lại chiếc

điện thoại cho người bị hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo khi phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự theo dõi của chính quyền địa phương là đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội sau này, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Pháp luật.

Bị cáo hiện đang là học sinh, không có thu nhập, bản thân sống phụ thuộc nên miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là đang là học sinh sống phụ thuộc gia đình, không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo qui định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại Cơ quan điều tra – Công an Huyện B V cháu Phạm Ngọc Hòa đã nhận lại 01 chiếc điện thoại Iphone X, màu trắng và cháu Bùi Minh Ch đã nhận lại 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu đen, cháu H, cháu Ch và người đại diện giám hộ không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự, các bị hại Phạm Ngọc Hòa, Bùi Minh Ch đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T. Sau khi nhận lại điện thoại cháu Ch, cháu H và người đại diện giám hộ không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với cháu Nguyễn Anh T và anh Chu Nhật Q, quá trình điều tra đã làm rõ: Khi thỏa thuận mua chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, màu xám của Trương Đình T, cháu T và anh Q đều không biết nguồn gốc của chiếc điện thoại là do T trộm cắp mà có. Vì vậy, hành vi của cháu T và anh Q không cấu thành tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý mà chỉ nhắc nhở, rút kinh nghiệm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Tịch thu phát mại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356742081064005, bên trong lắp sim có số thuê bao 0374.841.044, đã qua sử dụng của bị cáo T. Chiếc điện thoại này T đã dùng để liên lạc bán 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp được.

Tịch thu sung công quỹ số tiền 11.000.000 đồng là thu lợi bất chính của bị cáo.

[7]. Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1./ Xử: Tuyên bố: Bị cáo Trương Đình T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2./ Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; 101, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Đình T 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự, Công an huyện B V, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo Trương Đình T.

3/ Áp dụng: Điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS.

Tịch thu phát mại xung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim đã cũ. Điện thoại không khởi động được nguồn nên không kiểm tra được số imei, không kiểm tra được tình trạng máy.

Tịch thu sung công số tiền 11.000.000 đồng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2024 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15/7/2024).

4/ Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Đình T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5./ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 BLTTHS.

Bị cáo Trương Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Cháu Phạm Ngọc H, chị Đỗ Thị B, cháu Bùi Minh Ch, anh Bùi Đình Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Cháu Nguyễn Anh T, Anh Nguyễn Văn T, anh Chu Nhật Q được quyền kháng cáo phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS huyện B V;
- Công an huyện B V;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thương

